



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1610 /TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP
NƯỚC TÂN HÒA**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
DN: cn=VN, st=THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0310350068
Date: 2025.03.17 15:43:37 +07'00'

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Cấp nước Tân Hòa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Mã chứng khoán: THW
- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM.
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM.
- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977
- Website: www.capnuoctanhhoa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

3. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 17/03/2025 tại đường dẫn: www.capnuoctanhhoa.com.vn

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 (đã kiểm toán);
- Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10%.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIAM ĐỐC

Nguyễn Mười



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số **1623**TH-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Về việc giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Nay, Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa giải trình nội dung công bố thông tin chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 là 9.544.754.031 đồng so với cùng kỳ năm 2023 là 8.329.629.802 đồng, tăng 14,59%, tương đương tăng 1.215.124.229 đồng.

- Nguyên nhân tăng do năm 2024, hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một Thành Viên thuê Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa tăng từ 0,1822 lên 0,1914. Do đó, doanh thu hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch tăng là cơ sở tăng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Mười

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 50.000.000.000 VND tương đương với 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là THW và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên, chủ yếu là dịch vụ phân phối nước sạch; phục vụ vận hành mạng lưới và giám sát thoát nước; gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ trên địa bàn được phân công; thi công xây dựng công trình cấp nước, tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mười	Thành viên
Ông Lê Minh Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Mười	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN MƯỜI

Giám đốc *u*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang sử dụng một phần diện tích đất và cơ sở hạ tầng trên đất tại 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (550 m²/2.495 m²) làm văn phòng công ty. Đây là khu đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Công ty đang thực hiện di dời trụ sở về địa chỉ 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đang vướng thủ tục pháp lý về nhà đất.
2. Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khu đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất. Trong năm, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất với số tiền là 224.769.600 VND theo Thông báo nộp tiền số 65/TB-CCTTP ngày 06 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thuế Quận Tân Phú.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 21 tháng 03 năm 2024.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

LÊ HUỖNH BẢO

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.703.957.179	109.976.156.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.400.685.103	420.243.909
1. Tiền	111		2.400.685.103	420.243.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.000.000.000	52.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	55.000.000.000	52.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.059.473.007	42.327.184.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	28.567.570.458	38.574.015.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	170.000.000	72.213.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.321.902.549	3.680.955.828
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	14.469.482.581	14.999.873.704
1. Hàng tồn kho	141		14.469.482.581	14.999.873.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		774.316.488	228.853.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	603.891.565	104.863.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	170.424.923	123.990.341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.172.354.185	8.127.944.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		330.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	330.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.399.208.196	6.919.646.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.035.897.022	4.750.324.115
- Nguyên giá	222		25.463.992.446	23.706.594.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.428.095.424)	(18.956.270.058)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	2.363.311.174	2.169.321.946
- Nguyên giá	228		8.894.824.000	7.799.824.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.531.512.826)	(5.630.502.054)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		443.145.989	1.208.298.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	376.462.493	1.141.614.736
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.10	66.683.496	66.683.496
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.876.311.364	118.104.100.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.206.506.991	57.996.766.192
I. Nợ ngắn hạn	310		56.206.506.991	57.996.766.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	24.551.589.855	31.696.287.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	793.777.016	878.277.841
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.155.555.188	4.010.601.853
4. Phải trả người lao động	314	5.14	19.824.258.232	15.883.147.966
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.798.469.132	1.931.692.123
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	4.082.857.568	3.596.759.041
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.669.804.373	60.107.334.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	61.669.804.373	60.107.334.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		93.553.000	93.553.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27.200.000)	(27.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.058.697.342	1.711.351.778
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.544.754.031	8.329.629.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.544.754.031	8.329.629.802
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.876.311.364	118.104.100.772



HỒ NGỌC PHÓI
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN
Kế toán trưởng




NGUYỄN MƯỜI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		179.807.352.160	171.660.601.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	179.807.352.160	171.660.601.915
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	147.934.494.823	142.965.989.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.872.857.337	28.694.612.441
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.525.693.077	2.969.827.953
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	21.711.319.572	21.043.093.739
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.687.230.842	10.621.346.655
11. Thu nhập khác	31	6.5	2.472.158.670	2.195.211.382
12. Chi phí khác	32	6.6	2.165.089.512	1.619.658.037
13. Lợi nhuận khác	40		307.069.158	575.553.345
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.994.300.000	11.196.900.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	3.449.545.969	2.867.270.198
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.544.754.031	8.329.629.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	756	747

HÒ NGỌC PHÔI
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MƯỜI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.994.300.000	11.196.900.000
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	3.372.836.138	2.987.671.920
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	-	-
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.525.693.077)	(2.973.231.600)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.841.443.061	11.211.340.320
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	9.748.647.163	(1.285.155.299)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	530.391.123	2.268.327.398
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.967.038.926)	5.463.133.854
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	266.124.314	(819.301.002)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.176.889.944)	(3.019.960.629)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	251.630.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.749.015.711)	(3.284.967.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.745.291.080	10.533.417.494
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.434.373.100)	(2.746.130.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.955.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.000.000.000)	(65.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	79.000.000.000	52.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.668.323.214	2.650.035.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.766.049.886)	(13.082.139.853)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.980.441.194	(5.547.522.359)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	420.243.909	5.967.766.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.400.685.103	420.243.909

HỒ NGỌC PHÔI
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MƯỜI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 50.000.000.000 VND tương đương với 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là THW và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy đầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên, chủ yếu là dịch vụ phân phối nước sạch; phục vụ vận hành mạng lưới và giám sát thoát nước; gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ trên địa bàn được phân công; thi công xây dựng công trình cấp nước, tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 310 người (tại ngày 31/12/2023 là 304 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các khoản chi liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.13 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	44.591.472	41.351.899
Tiền gửi ngân hàng - VND	2.356.093.631	378.892.010
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
	8.400.685.103	420.243.909

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 3,2%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	55.000.000.000	55.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
	55.000.000.000	55.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có kỳ hạn từ 4-12 tháng, lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	28.483.132.204	38.408.303.097
Phải thu các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	84.438.254	165.712.714
	28.567.570.458	38.574.015.811

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước người bán khác		
Nguyễn Đình Chung	155.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư - Xây dựng Hưng An	-	48.285.000
Các nhà cung cấp khác	15.000.000	23.928.250
	170.000.000	72.213.250

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên – Thu hộ tiền nước	125.962	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT chưa kê khai	1.845.961.489	-	2.540.530.074	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	989.268.494	-	1.131.898.631	-
Tạm ứng nhân viên	65.580.634	-	8.467.979	-
Các khoản phải thu khác	420.965.970	-	59.144	-
	3.321.902.549	-	3.680.955.828	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ	330.000.000	-	-	-
	330.000.000	-	-	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.819.712.919	-	14.526.011.527	-
Công cụ, dụng cụ	63.239.314	-	68.809.957	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	586.530.348	-	405.052.220	-
	14.469.482.581	-	14.999.873.704	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí thay định kỳ đồng hồ nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	223.151.114	-
Chi phí công tác giám sát thoát nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	77.951.962	119.624.948
Công trình xây lắp khác	285.427.272	285.427.272
	586.530.348	405.052.220

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí phần mềm và bảo trì phần mềm	329.800.598	98.100.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe	229.213.238	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.877.729	6.763.636
	603.891.565	104.863.636

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí phần mềm bản quyền	144.483.198	720.463.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	231.979.295	421.151.682
	376.462.493	1.141.614.736

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	612.250.160	9.784.584.050	5.160.467.480	8.149.292.483	23.706.594.173
Tăng trong năm	-	564.098.000	841.327.273	351.973.000	1.757.398.273
Tại 31/12/2024	612.250.160	10.348.682.050	6.001.794.753	8.501.265.483	25.463.992.446

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2024	612.250.160	7.627.603.662	5.160.467.480	5.555.948.756	18.956.270.058
Khấu hao trong năm	-	1.366.913.145	376.939	1.104.535.282	2.471.825.366
Tại 31/12/2024	612.250.160	8.994.516.807	5.160.844.419	6.660.484.038	21.428.095.424

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2024	-	2.156.980.388	-	2.593.343.727	4.750.324.115
Tại 31/12/2024	-	1.354.165.243	840.950.334	1.840.781.445	4.035.897.022

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2024	612.250.160	3.235.989.650	5.160.467.480	1.799.609.793	10.808.317.083
Tại 31/12/2024	612.250.160	3.235.989.650	5.160.467.480	3.467.044.793	12.475.752.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2024	7.799.824.000
Mua trong năm	1.095.000.000
Tại 31/12/2024	8.894.824.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2024	5.630.502.054
Khấu hao trong năm	901.010.772
Tại 31/12/2024	6.531.512.826
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2024	2.169.321.946
Tại 31/12/2024	2.363.311.174

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.542.504.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.982.504.000 VND).

5.10 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (*)	66.683.496	-	66.683.496	-
	66.683.496	-	66.683.496	-

(*) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	14.764.475.969	14.764.475.969	17.913.858.880	17.913.858.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước	259.200	259.200	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Các nhà cung cấp khác	9.786.854.686	9.786.854.686	13.782.428.488	13.782.428.488
	24.551.589.855	24.551.589.855	31.696.287.368	31.696.287.368

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Bình Tân	151.341.500	151.341.500
Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng Phú Tân	271.938.000	271.938.000
Các khách hàng khác	370.497.516	454.998.341
	793.777.016	878.277.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.13 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT (*)	3.166.838.535	-	8.986.587.925	(10.114.290.615)	2.039.135.845	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843.763.318	-	3.449.545.969	(3.176.889.944)	1.116.419.343	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(123.990.341)	1.538.602.460	(1.585.037.042)	-	(170.424.923)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	224.769.600	(224.769.600)	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.500.000	(4.500.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	99.970.905	(99.970.905)	-	-
	4.010.601.853	(123.990.341)	14.303.976.859	(15.205.458.106)	3.155.555.188	(170.424.923)

(*) Trong năm, thuế giá trị gia tăng phải nộp của Công ty chi tiết như sau:

	Năm 2024 VND
Thuế GTGT đầu ra	14.723.979.273
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	(5.737.391.348)
Thuế GTGT phải nộp	8.986.587.925

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.994.300.000	11.196.900.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	3.468.532.907	2.990.781.170
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	16.462.832.907	14.187.681.170
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.292.566.581	2.837.536.234
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	156.979.388	29.733.964
Tổng thuế TNDN phải nộp	3.449.545.969	2.867.270.198

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người lao động	18.847.527.398	14.957.512.046
Phải trả cán bộ quản lý	976.730.834	925.635.920
	19.824.258.232	15.883.147.966

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Thu hộ tiền nước	42.715	42.715
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Tiền thuê đất	525.800.000	525.800.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	-	190.753.012
Phải trả kinh phí hoạt động Đảng	28.589.884	23.891.637
Phải trả cổ tức	7.600.000	7.600.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
Bảo lãnh bảo hành	409.315.345	452.152.618
Nhận ký quỹ, ký cược	229.955.334	188.725.711
Các khoản phải trả khác	2.585.782.854	531.343.430
	3.798.469.132	1.931.692.123

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024 VND	Tăng do trích từ lợi nhuận	Nhận các quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2024 VND
Quỹ khen thưởng	2.491.224.657	2.297.342.119	121.080.000	(2.062.418.000)	2.847.228.776
Quỹ phúc lợi	1.105.534.384	2.297.342.119	95.850.000	(2.275.797.711)	1.222.928.792
Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT	-	388.800.000	34.700.000	(410.800.000)	12.700.000
	3.596.759.041	4.983.484.238	251.630.000	(4.749.015.711)	4.082.857.568

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.409.526.290	7.238.021.261	58.713.900.551
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.329.629.802	8.329.629.802
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	301.825.488	(301.825.488)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(3.937.395.773)	(3.937.395.773)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
Tại ngày 31/12/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	8.329.629.802	60.107.334.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	8.329.629.802	60.107.334.580
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.544.754.031	9.544.754.031
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	347.345.564	(347.345.564)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.983.484.238)	(4.983.484.238)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
Tại ngày 31/12/2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	2.058.697.342	9.544.754.031	61.669.804.373

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2024			01/01/2024		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.250.000	32.500.000.000	65,00	3.250.000	32.500.000.000	65,00
Các cổ đông khác	1.750.000	17.500.000.000	35,00	1.750.000	17.500.000.000	35,00
	5.000.000	50.000.000.000	100,00	5.000.000	50.000.000.000	100,00

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	2.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
Cổ phiếu phổ thông	4.998.000	4.998.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 006/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	2.998.800.000
Trích quỹ đầu tư phát triển; quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	5.330.829.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

- Công ty đang sử dụng một phần diện tích đất và cơ sở hạ tầng trên đất tại 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng hoạt động. Đây là khu đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Công ty đang thực hiện di dời trụ sở về địa chỉ 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đang vướng thủ tục pháp lý về nhà đất. Công ty chưa có cơ sở ước tính các chi phí liên quan đến công tác di dời này.
- Khu đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất. Trong năm, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất với số tiền là 224.769.600 VND theo Thông báo nộp tiền số 65/TB-CCTTP ngày 06 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thuế Quận Tân Phú.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu gắn đồng hồ nước	2.790.200.720	2.322.108.069
Doanh thu giảm thất thoát nước	15.512.160.710	14.982.925.317
Doanh thu thay đồng hồ nước	28.602.708.230	33.302.599.217
Doanh thu quản lý dịch vụ phân phối nước sạch	125.866.008.927	112.986.118.960
Doanh thu lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	6.403.440.798	6.239.036.111
Doanh thu khác	632.832.775	1.827.814.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	179.807.352.160	171.660.601.915

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	172.904.714.240	163.985.930.898
	172.904.714.240	163.985.930.898

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn gắn đồng hồ nước	2.790.198.876	2.322.108.026
Giá vốn giảm thất thoát nước	15.507.704.018	14.960.593.571
Giá vốn thay đồng hồ nước	28.602.697.558	33.304.714.915
Giá vốn quản lý dịch vụ phân phối nước sạch	95.575.499.921	86.422.807.924
Giá vốn lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	5.003.854.042	4.865.121.314
Giá vốn khác	454.540.408	1.090.643.724
	147.934.494.823	142.965.989.474

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.525.693.077	2.969.827.953
	2.525.693.077	2.969.827.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.184.115.741	12.497.773.428
Thuế, phí và lệ phí	755.069.600	754.569.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.772.134.231	7.790.750.711
	21.711.319.572	21.043.093.739

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ thu phí đóng mở nước	1.600.285.888	1.241.341.566
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	621.975.645	464.425.858
Thu nhập từ tiền thưởng	159.500.377	402.998.139
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	13.036.114	12.921.266
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	12.686.364
Thu nhập khác	77.360.646	60.838.189
	2.472.158.670	2.195.211.382

6.6 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cấp vật tư bấm chì	54.312.178	101.347.287
Chi phí truy thu các khoản tiền nước	537.678.739	386.270.507
Chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	621.975.645	371.540.686
Chi phí đóng mở nước	800.148.612	479.738.449
Chi phí khác	150.974.338	280.761.108
	2.165.089.512	1.619.658.037

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 9.544.754.031	8.329.629.802
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (*)	VND (5.764.516.186)	(4.594.684.238)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 3.780.237.845	3.734.945.564
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP 4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 756	747

(*) Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 4.594.684.238 VND.

Công ty có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Tờ trình số 1430/TTr-TH-KTTC ngày 04 tháng 03 năm 2025 là 5.764.516.186 VND, phương án trích lập này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp tới.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.884.441.721	42.471.430.584
Chi phí nhân công	104.641.989.585	97.978.981.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.372.836.138	2.987.671.920
Chi phí khác	21.593.239.079	18.874.229.707
	168.492.506.523	162.312.313.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng, thù lao và thu nhập khác của các thành viên quản lý trực tiếp điều hành			
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	776.647.440	753.525.433
Ông Nguyễn Mười	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc	791.681.273	784.629.780
Ông Phạm Khương Thảo	Nguyên thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc	-	14.141.132
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	530.467.172	480.294.733
Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát	-	30.983.359
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc	561.553.686	571.288.775
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	543.216.490	539.600.624
Ông Trương Tấn Quốc	Nguyên Phó Giám đốc	-	9.316.131
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	518.868.693	513.346.912
		3.722.434.754	3.697.126.879
Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành			
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên Hội đồng Quản trị	66.000.000	66.000.000
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên Hội đồng Quản trị	66.000.000	66.000.000
Ông Lê Minh Châu	Thành viên Hội đồng Quản trị	66.000.000	66.000.000
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
		294.000.000	294.000.000
Thưởng của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành			
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên Hội đồng Quản trị	36.450.000	38.043.101
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên Hội đồng Quản trị	36.450.000	38.043.101
Ông Lê Minh Châu	Thành viên Hội đồng Quản trị	36.450.000	38.043.101
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	9.112.500	9.510.775
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	9.112.500	9.510.775
		127.575.000	133.150.853

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

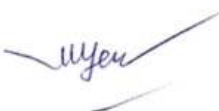
Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên			
	Cung cấp dịch vụ phân phối nước sạch	125.866.008.927	112.986.118.960
	Thay đồng hồ nước định kỳ	28.602.708.230	33.302.599.217
	Giảm thất thoát nước	15.512.160.710	14.982.925.317
	Gắn mới đồng hồ nước	2.790.200.720	2.322.108.069
	Tư vấn quản lý dự án	133.635.653	407.747.517
	Thi công công trình	-	(15.568.182)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	Dịch vụ thất thoát nước và xử lý nước thải	621.975.645	464.425.858
	Mua vật tư	19.113.078.666	22.156.035.394
	Chia cổ tức	1.950.000.000	1.950.000.000
	Mua dịch vụ	190.160.959	138.239.674
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Mua dịch vụ	31.598.550	30.864.765
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Mua dịch vụ	364.000	680.000
Số dư với các bên liên quan:			
Bên liên quan	Nội dung	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Phải thu khách hàng	28.483.132.204	38.408.303.097
	Phải thu khác - Thu hộ tiền nước	125.962	-
	Phải trả người bán	14.764.475.969	17.913.858.880
	Phải trả khác - Thu hộ tiền nước	42.715	42.715
	Phải trả khác - Tiền thuê đất	525.800.000	525.800.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước	Phải trả người bán	259.200	-
7.2 Thông tin bộ phận	Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.		
7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính	Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.		
			
HÒ NGỌC PHÔI Người lập biểu	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN Kế toán trưởng	NGUYỄN MƯỜI Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025	